

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 26.1.2022

Đối Tượng Cúng Dường Thù Thắng Nhất
Kinh Cung Thuật (Issattasuttam)

CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ BA (S.i, 98)

Biết cho là đáng quý trong cuộc sống. Biết đối tượng gọi là “ứng cúng” cần tới sự hiểu biết sâu sắc. Người ta thường bỏ thí cúng dường vì hâm mộ hay tập tục. Ít người hiểu biết cái gì tạo nên phước điền cao quý để gieo trồng thiện nghiệp. Trong phước sự mà cả hai người bỏ thí cúng dường và người thọ thí đều thanh tịnh thì là tạo công đức thù thắng. Khi những thắng duyên hội đủ thì người tạo phước được ngập tràn hoan hỷ và phúc quả mỹ mãn.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Tại Sāvattthi.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca –
Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi xứ Kosala bạch Thế Tôn:

“kattha nu kho, bhante, dānaṃ dātabba”nti?

Bạch Thế Tôn, nên bỏ thí cúng dường chỗ nào?

“Yattha kho, mahārāja, cittaṃ pasīdati”ti.

Này Đại vương chính ở nơi nào tâm tịnh tín

“Kattha pana, bhante, dinnāṃ mahapphala”nti?

Bạch Thế Tôn, bỏ thí cúng dường chỗ nào được quả lớn?

**“Aññaṃ kho etaṃ, mahārāja, kattha dānaṃ dātabbaṃ, aññaṃ panetaṃ
kattha dinnāṃ mahapphalanti? Sīlavato kho, mahārāja, dinnāṃ**

mahapphalaṃ, no tathā dussīle. Tena hi, mahārāja, taññevettha paṭipucchissāmi. Yathā, te khameyya, tathā naṃ byākareyyāsi.

Này Đại vương, câu hỏi “nên bỏ thí cúng dường chỗ nào?” là một câu; câu “bỏ thí cúng dường chỗ nào được quả lớn?” lại là một câu hỏi khác. Này Đại vương, bỏ thí cúng dường cho người trì giới được quả lớn so với bỏ thí cúng dường đến người không có giới.

Ta sẽ hỏi Đại vương. Hãy trả lời một cách thích hợp.

Taṃ kiṃ maññasi, mahārāja, idha tyassa yuddhaṃ paccupaṭṭhitaṃ saṅgāmo samupabyūḷho [samūpabbūḷho (sī.), samupabbuḷho (pī.)]. Atha āgaccheyya khattiyakumāro asikkhito akatahattho akatayoggo akatūpāsano bhīru chambhī utrāsī palāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādīsena purisenā”ti?

Đại vương nghĩ thế nào giả sử nhà vua đang trong chiến tranh và một trận chiến sắp xảy ra. Rồi một sát đế lý trẻ tuổi đi đến. Người ấy không được nhận được sự thụ huấn, không có kỹ năng, không có tôi luyện, không có kinh nghiệm lại nhát gan, sợ hãi, luôn tìm cách tháo chạy. Đại vương có thu nạp và sử dụng người ấy chăng?

“Nāhaṃ, bhante, bhareyyaṃ taṃ purisaṃ, na ca me attho tādīsena purisenā”ti.

Bạch Thế Tôn, con không muốn dùng người ấy.

“Atha āgaccheyya brāhmaṇakumāro asikkhito...pe... atha āgaccheyya vessakumāro asikkhito...pe... atha āgaccheyya suddakumāro asikkhito...pe... na ca me attho tādīsena purisenā”ti.

Giả sử có một Bà-la-môn trẻ tuổi không có thụ huấn... Giả sử có một phệ xá trẻ tuổi không có thụ huấn... Giả sử có một chiên đà la trẻ tuổi không có thụ huấn... và Đại vương có thu nạp và sử dụng người ấy chăng? Bạch Thế Tôn, con không muốn dùng người ấy.

“Taṃ kiṃ maññasi, mahārāja, idha tyassa yuddhaṃ paccupaṭṭhitaṃ saṅgāmo samupabyūḷho. Atha āgaccheyya khattiyakumāro susikkhito katahattho katayoggo katūpāsano abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādīsena purisenā”ti?

Đại vương nghĩ thế nào giả sử nhà vua đang trong chiến tranh và một trận chiến sắp xảy ra. Rồi một sát đế ly trẻ tuổi đi đến. Người ấy có được nhận được sự thụ huấn, có kỹ năng, có tôi luyện, có kinh nghiệm lại mạnh mẽ, can đảm, sẵn sàng ứng phó. Đại vương có thu nạp và sử dụng người ấy chăng?

“Bhareyyāhaṃ, bhante, taṃ purisaṃ, attho ca me tādīsena purisenā”ti.
Bạch Thế Tôn, con sẽ thu nạp vì người ấy hữu dụng.

“Atha āgaccheyya brāhmaṇakumāro...pe... atha āgaccheyya vessakumāro...pe... atha āgaccheyya suddakumāro susikkhito katahattho katayoggo katūpāsano abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādīsena purisenā”ti?

Giả sử có một Bà-la-môn trẻ tuổi có thụ huấn... Giả sử có một phệ xá trẻ tuổi có thụ huấn... Giả sử có một chiên đà la trẻ tuổi có thụ huấn... và Đại vương có thu nạp và sử dụng người ấy chăng?

“Bhareyyāhaṃ, bhante, taṃ purisaṃ, attho ca me tādīsena purisenā”ti.
Bạch Thế Tôn, con sẽ thu nạp vì người ấy hữu dụng.

“Evameva kho, mahārāja, yasmā kasmā cepi [yasmā cepi (sī. syā. kaṃ. ka.)] kulā agārasmā anagāriyaṃ pabbajito hoti, so ca hoti pañcaṅgavippahīno pañcaṅgasamannāgato, tasmim dinnāṃ mahapphalaṃ hoti.

Tương tự như vậy, này Đại vương, một người đi tu dù xuất thân thế nào nếu đoạn trừ năm chi phần và thành tựu năm chi phần thì bố thí cúng dường cho người ấy được quả phúc lớn.

Katamāni pañcaṅgāni pahīnāni honti? Kāmacchando pahīno hoti, byāpādo pahīno hoti, thinamiddhaṃ pahīnaṃ hoti, uddhaccakukkuccaṃ pahīnaṃ hoti, vicikicchā pahīnā hoti. Imāni pañcaṅgāni pahīnāni honti.

Năm chi phần đoạn trừ là gì? Tham dục được đoạn trừ, sân độc được đoạn trừ, hôn thuy được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi hoặc được đoạn trừ.

Katamehi pañcahaṅgehi samannāgato hoti? Asekkhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, asekkhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, asekkhena paññākkhandhena samannāgato hoti, asekkhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, asekkhena

vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti. Imehi pañcahaṅgehi samannāgato hoti.

Năm chi phần thành tựu là gì? Vô học giới uẩn được viên mãn, vô học định uẩn được viên mãn, vô học tuệ uẩn được viên mãn, vô học giải thoát uẩn được viên mãn, vô học giải thoát tri kiến uẩn được viên mãn.

Iti pañcaṅgavippahīne pañcaṅgasamannāgate dinnam mahapphala’’nti.

Bổ thí cúng dường cho người đoạn trừ năm chi phần và thành tựu năm chi phần như vậy được quả phúc lớn.

Idamavoca bhagavā...pe... satthā –

Sau khi dạy như vậy, Đức Thế Tôn nói thêm:

**‘‘Issattam balavīriyañca, yasmiṃ vijjetha māṇave;
Tam yuddhattho bhare rājā, nāsūram jātipaccayā.**

Như vua đang lâm trận
Thu dụng những trai tráng
Can cường, giỏi xạ tiễn
Không phân biệt xuất thân

**tatheva khantisoraccam, dhammā yasmiṃ patiṭṭhitā.
ariyavuttim medhāvim, hīnajaccampi pūjaye.**

Người sống đời thánh thiện
Kham nhẫn và từ hoà
Dù từ giai cấp thấp
Người trí vẫn kính lễ

**‘‘Kāraye assame ramme, vāsayettha bahussute;
Papañca vivane kayirā, dugge saṅkamanāni ca.**

**‘‘Annam pānam khādanīyam, vatthasenāsanāni ca;
Dadeyya ujubhūtesu, vipasannena cetasā.**

Tạo hồ nước trong rừng
Làm đường nơi hoang dã

Lập tịnh thất mời thỉnh
Bậc chân tu thật học

Với tâm tư tịnh tín
Đối với bậc chánh hạnh
Cúng thức ăn, thức uống
Y phục và sàng tọa

**Yathā hi megho thanayaṃ, vijjumālī satakkaku;
Thalaṃ ninnañca pūreti, abhivassaṃ vasundharaṃ.
Tatheva saddho sutavā, abhisāṅkhacca bhojanaṃ;
Vanibbake tappayati, annapānena paṇḍito.**

Như sấm sét mưa giông
Nước trút xuống mặt đất
Nước chảy tràn mọi nơi
Chỗ cao đến chỗ thấp
Người trí có tịnh tín
Và nghe nhiều học rộng
Cúng thức ăn, thức uống
Đến các bậc sa môn
Sống với hạnh khát thực
Bồ thí, tâm hoan hỷ
Bảo “cúng dường, cúng dường”

**Āmodamāno pakireti, detha dethāti bhāsati;
Taṃ hissa gajjitaṃ hoti, devasseva pavassato;
Sā puññadhārā vipulā, dātāraṃ abhivassatī”ti.**

Như bầu trời trút mưa
Phước sung mãn phát sanh
Đến người đã cúng dường
Với tâm tư gởi nhuần



“**Issattaṃ balavīriyañca** = Người trai tráng nào thiện xảo cung thuật (xạ tiễn)
yasmim vijjetha māṇave = mạnh mẽ và hào khí

Taṃ yuddhattho bhare rājā = được vua thu dụng khi lâm trận
nāsūraṃ jātipaccayā = không bị thất sủng vì dòng dõi thọ sanh (xuất thân)

Tatheva khantisoraccaṃ dhammā yasmim̐ patiṭṭhitā = Đối với bậc kham nhẫn và từ hoà.

Ariyavuttiṃ medhāviṃ hīnajaccampi pūjaye = Người trí đánh lễ bậc thánh thiện ngay cả cho dù xuất thân từ giai cấp thấp

Kāraye assame ramme = tạo tịnh thất tiện nghi

vāsayettha bahussute = mời thỉnh các bậc chân tu thật học

Papañca vivane kayirā = tạo hồ chứa nước nơi thâm sơn cùng cốc

dugge saṅkamanāni ca = làm đường đi chốn hoang dã

Annaṃ pānaṃ khādanīyaṃ = những thức ăn, thức uống

vatthasenāsanāni ca = y phục và sàng tọa

Dadeyya ujubhūtesu = nên cúng dường đến bậc trực hạnh (chánh hạnh)

vipāsanna cetasā = Với tâm tư tịnh tín

“**Yathā hi megho thanayaṃ** = Như bầu trời đầy mây và mưa

vijjumālī satakkaku = với sấm sét vang rền

Thalaṃ ninnañca pūreti abhivassaṃ vasundharaṃ = trút mưa xuống ngập tràn mặt đất phì nhiêu

“**Tatheva saddho sutavā abhisāṅkhacca bhojanaṃ vanibbake tappayati annapānena paṇḍito** = Cũng vậy người trí có hiểu biết sâu rộng với niềm tin làm các bữa cơm cúng dường đầy đủ thức ăn, thức uống đến những khát sĩ tu hành (sống với chánh mạng khát thực)

“**Āmodamāno pakireti** = hoan hỷ với sự cúng dường

detha dethāti bhāsati = thốt lời “hãy bố thí, hãy cúng dường”

Taṃ hissa gajjitaṃ hoti devasseva pavassato = lời vang nhưng thần mưa

Sā puññadhārā vipulā = phước báu sung mãn phủ đầy

dātāraṃ abhivassatī”ti = gọi nhuần người bố thí



Thích nghĩa

Chữ dāna - bố thí trong kinh điển chỉ chung cho sự cho kẻ cả sự cúng dường chứ không có ý là cho những kẻ thấp kém.

Chữ pasīdati không phải là sự hoan hỷ bình thường mà là khiến tâm được thanh tịnh. Điều này hàm ý khi cúng dường khiến tâm không vương vấp bởi tham danh, tham lợi, ngã chấp mà chỉ vì sự kính tin với đối tượng và bằng tâm tư thanh tịnh.

Câu kattha dānaṃ dātabba dịch sát là “nên cúng dường ở đâu” mang ý nghĩa “ai là bậc nên cúng dường”. Theo Sớ giải nhà vua hỏi câu này giữa đại chúng vì bấy giờ trước sự cúng dường mạnh mẽ của quân chúng đối với Đức Phật và chư tăng khiến những người ngoại giáo đố kỵ và xuyên tạc rằng Đức Phật chỉ dạy cho quân chúng cúng dường bản thân Ngài và các đệ tử. Câu hỏi tế nhị mà câu trả lời tương thích một cách ý nhị.

Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình
-ooOoo-

4. Issattasuttaṃ [Mūla]

135. Sāvattṭhinidānaṃ. Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca – “kattha nu kho, bhante, dānaṃ dātabba”nti? “Yattha kho, mahārāja, cittaṃ pasīdatī”ti. “Kattha pana, bhante, dīnaṃ mahapphala”nti? “Aññaṃ kho etaṃ, mahārāja, kattha dānaṃ dātabbaṃ, aññaṃ panetaṃ kattha dīnaṃ mahapphalanti? Sīlavato kho, mahārāja, dīnaṃ mahapphalaṃ, no tathā dussīle. Tena hi, mahārāja, taññevettha paṭipucchissāmi. Yathā, te khameyya, tathā naṃ byākareyyāsi. Taṃ kiṃ maññasi, mahārāja, idha tyassa yuddhaṃ paccupaṭṭhitaṃ saṅgāmo samupabyūḷho [samūpabbūḷho (sī.), samupabbuḷho (pī.)]. Atha āgaccheyya khattiyakumāro asikkhito akatahattho akatayoggo akatūpāsano bhīru chambhī utrāsī palāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādisena purisenā”ti? “Nāhaṃ, bhante, bhareyyaṃ taṃ purisaṃ, na ca me attho tādisena purisenā”ti. “Atha āgaccheyya brāhmaṇakumāro asikkhito...pe... atha āgaccheyya vessakumāro asikkhito...pe... atha āgaccheyya suddakumāro asikkhito...pe... na ca me attho tādisena purisenā”ti. “Taṃ kiṃ maññasi, mahārāja, idha tyassa yuddhaṃ paccupaṭṭhitaṃ saṅgāmo samupabyūḷho. Atha āgaccheyya khattiyakumāro susikkhito katahattho katayoggo

katūpāsano abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādīsena purisenā”ti? “Bhareyyāhaṃ, bhante, taṃ purisaṃ, attho ca me tādīsena purisenā”ti. “Atha āgaccheyya brāhmaṇakumāro...pe... atha āgaccheyya vessakumāro...pe... atha āgaccheyya suddakumāro susikkhito katahattho katayoggo katūpāsano abhīru acchambhī anutrāsī apalāyī. Bhareyyāsi taṃ purisaṃ, attho ca te tādīsena purisenā”ti? “Bhareyyāhaṃ, bhante, taṃ purisaṃ, attho ca me tādīsena purisenā”ti.

“Evameva kho, mahārāja, yasmā kasmā cepi [yasmā cepi (sī. syā. kaṃ. ka.)] kulā agārasmā anagāriyaṃ pabbajito hoti, so ca hoti pañcaṅgavippahīno pañcaṅgasamannāgato, tasmim̐ dinnam̐ mahapphalam̐ hoti. Katamāni pañcaṅgāni pahīnāni honti? Kāmacchando pahīno hoti, byāpādo pahīno hoti, thinamiddham̐ pahīnam̐ hoti, uddhaccakukkucam̐ pahīnam̐ hoti, vicikicchā pahīnā hoti. Imāni pañcaṅgāni pahīnāni honti. Katamehi pañcahaṅgehi samannāgato hoti? Asekkhena sīlakkhandhena samannāgato hoti, asekkhena samādhikkhandhena samannāgato hoti, asekkhena paññākkhandhena samannāgato hoti, asekkhena vimuttikkhandhena samannāgato hoti, asekkhena vimuttiñāṇadassanakkhandhena samannāgato hoti. Imehi pañcahaṅgehi samannāgato hoti. Iti pañcaṅgavippahīne pañcaṅgasamannāgate dinnam̐ mahapphala”nti. Idamavoca bhagavā...pe... satthā –

“Issattam̐ [issattam̐ (sī. syā. kaṃ.)] balavīriyañca [balaviriyañca (sī. syā. kaṃ. pī.)], yasmim̐ vijjetha māṇave;
Taṃ yuddhattho bhare rājā, nāsūram̐ jātipaccayā.

“Tattheva khantisoraccam̐, dhammā yasmim̐ patitṭhitā;
Ariyavuttim̐ medhāvim̐, hīnajaccampi pūjaye.

“Kāraye assame ramme, vāsayettha bahussute;
Papañca vivane kayirā, dugge saṅkamanāni ca.

“Annaṃ pānaṃ khādanīyaṃ, vatthasenāsanāni ca;
Dadeyya ujubhūtesu, vippasannena cetasā.

“Yathā hi meggho thanayaṃ, vijjumālī satakkaku;
Thalam̐ ninnañca pūreti, abhivassam̐ vasundharam̐.

“Tattheva saddho sutavā, abhisāṅkhacca bhojanam̐;
Vanibbake tappayati, annapānena paṇḍito.

“Āmodamāno pakireti, detha dethāti bhāsati;

Taṃ hissa gajjitaṃ hoti, devasseva pavassato;
Sā puññadhārā vipulā, dātāraṃ abhivassatī’ ti.

4. Issattasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

135. Catutthassa aṭṭhuppattiko nikkhepo. Bhagavato kira paṭhamabodhiyaṃ mahālābhasakkāro udapādi bhikkhusaṅghassa ca. Titthiyā hatalābhasakkārā hutvā kulesu evaṃ kanthentā vicaranti – “samaṇo gotamo evamāha, ‘mayhameva dānaṃ dātabbaṃ, na aññesaṃ dānaṃ dātabbaṃ. Mayhameva sāvakānaṃ dānaṃ dātabbaṃ, na aññesaṃ sāvakānaṃ dānaṃ dātabbaṃ. Mayhameva dinnaṃ mahapphalaṃ, na aññesaṃ dinnaṃ mahapphalaṃ. Mayhameva sāvakānaṃ dinnaṃ mahapphalaṃ, na aññesaṃ sāvakānaṃ dinnaṃ mahapphalaṃ’nti. Yuttaṃ nu kho sayampi bhikkhācāranissitena paresaṃ bhikkhācāranissitānaṃ catunnaṃ paccayānaṃ antarāyaṃ kātuṃ, ayuttaṃ karoti ananucchavika’nti. Sā kathā pattharamānā rājakulaṃ sampattā. Rājā sutvā cintesi – “aṭṭhānametaṃ yaṃ tathāgato paresaṃ lābhantarāyaṃ kareyya. Ete tathāgatassa alābhāya ayasāya parisakkanti. Sacāhaṃ idheva ṭhatvā ‘mā evaṃ avocuttha, na satthā evaṃ kathetī’ ti vadeyyaṃ, evaṃ sā kathā nijjhattim na gaccheyya, imassa mahājanassa sannipatitakāleyeva naṃ nijjhāpessāmī’ ti ekaṃ chaṇadivasāṃ āgamenta tuṅhī ahosi.

Aparena samayena mahāchaṇe sampatte “ayaṃ imassa kālo” ti nagare bherim carāpesi – “saddhā vā assaddhā vā sammādiṭṭhikā vā micchādiṭṭhikā vā geharakkhake dārake vā mātugāme vā ṭhapetvā avasesā ye vihāraṃ nāgacchanti, paññāsaṃ daṇḍo” ti. Sayampi pātova nhatvā katapātarāso sabbābharapaṭimaṇḍito mahatā balakāyena saddhim vihāraṃ agamāsi. Gacchanto ca cintesi – “bhagavā tumhe kira evaṃ vadatha ‘mayhameva dānaṃ dātabbaṃ...pe... na aññesaṃ sāvakānaṃ dinnaṃ mahapphalaṃ’nti evaṃ pucchituṃ ayuttaṃ, pañhameva pucchissāmi, pañhaṃ kathento ca me bhagavā avasāne titthiyānaṃ vādaṃ bhañjissatī’ ti. So pañhaṃ pucchanto **kattha nu kho, bhante, dānaṃ dātabbanti āha. Yatthāti** yasmim puggale cittaṃ pasīdati, tasmim dātabbaṃ, tassa vā dātabbanti attho.

Evaṃ vutte rājā yehi manussehi titthiyānaṃ vacanaṃ ārocitaṃ, te olokesi. Te raññā olokitamattāva maṅkubhūtā adhomukhā pādaṅgutṭhakena bhūmim lekhamānā aṭṭhaṃsu. Rājā – “ekapadeneva, bhante, hatā titthiyā” ti mahājanaṃ sāvento mahāsaddena abhāsi. Evañca pana bhāsivā – “bhagavā cittaṃ nāma nigaṇṭhācelakaparibbājakādīsū yattha katthaci pasīdati, kattha pana, bhante, dinnaṃ mahapphalaṃ’nti pucchi. **Aññaṃ kho etanti**, “mahārāja, aññaṃ tayā paṭhamam pucchitaṃ, aññaṃ pacchā, sallakkhehi etaṃ, pañhākathanaṃ pana mayhaṃ

bhāro’’ti vatvā **sīlavato khotiādīmāha**. Tattha **idha tyassāti** idha te assa. **Samupabyūḷhoti** rāsibhūto. **Asikkhitoti** dhanusippe asikkhito. **Akatahatthoti** muṭṭhibandhādivasena asampādihattho. **Akatayoggoti** tiṇapuñjamattikāpuñjādīsu akataparicayo. **Akatūpāsanoti** rājarājamahāmattānaṃ adassitasarakkhepo. **Chambhīti** pavedhitakāyo.

Kāmacchando pahīnotiādīsu arahattamaggena kāmacchando pahīno hoti, anāgāmmaggena byāpādo, arahattamaggeneva thinamiddhaṃ, tathā uddhaccaṃ, tatiyeneva kukkuccaṃ, paṭhamamaggena vicikicchā pahīnā hoti. **Asekkhena sīlakkhandhenāti** asekkhassa sīlakkhandho asekkho sīlakkhandho nāma. Esa nayo sabbattha. Ettha ca purimehi catūhi padehi lokiyalokuttarasīlasamādhīpaññāvīmuttiyo kathitā. Vimuttiñānadassanaṃ paccavekkhañānaṃ hoti, taṃ lokiyameva.

Issattanti ususippaṃ. **Balavīriyanti** ettha balaṃ nāma vāyodhātu, **vīriyaṃ** kāyikacetasikavīriyameva. **Bharetī** bhareyya. **Nāsūraṃ jātipaccayāti**, ‘‘ayaṃ jātisampanno’’ti evaṃ jātikāraṇā asūraṃ na bhareyya.

Khantisoraccanti ettha **khantīti** adhivāsanakhanti, **soraccanti** arahattaṃ. **Dhammāti** ete dve dhammā. **Assameti** āvasathe. **Vivaneti** araññatṭhāne, nirudake araññe caturassapokkharāṇiādīni kārayeti attho. **Duggeti** visamatṭhāne. **Saṅkamanānīti** paṇṇāsahatthasatṭhihatthāni samokiṇṇaparīsuddhavālikāni saṅkamanāni kareyya.

Idāni etesu araññasenāsanesu vasantānaṃ bhikkhūnaṃ bhikkhācāravattaṃ ācikkhanto **annaṃ pānantiādīmāha**. Tattha **senāsanānīti** mañcapīṭhādīni. **Vippasannenāti** khīṇāsavassa dentopi sakaṅkhena kilesamalinena cittaena adatvā vippasanneneva cittaena dadeyya. **Thanayanti** gajjanto. **Satakkakūti** satasikharo, anekakūṭoti attho. **Abhisāṅkhaccāti** abhisāṅkharitvā samodhānetvā rāsīṃ katvā.

Āmodamānoti tuṭṭhamānaso hutvā. **Pakiretīti** dānagge vicirati, pakiranto viya vā dānaṃ deti. **Puññadhārāti** anekadānacetanāmayā puññadhārā. **Dātāraṃ abhivassatīti** yathā ākāse samuṭṭhitameghato nikkhantā udakadhārā pathaviṃ sinehayantī tementī kiledayantī abhivassatī, evameva ayampi dāyakassa abbhantare uppannā puññadhārā tameva dātāraṃ anto sineheti pūreti abhisandeti. Tena vuttaṃ ‘‘dātāraṃ abhivassatī’’ti. Catutthaṃ.